Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 02/11/2026 14:33:10

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026)

CÔNG TRÌNH: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Phù Sa, phường Hồng Châu (Từ nhà ông Phụng đến nhà ông Kìm)

Loại công trình:	**Công trình giao thông**
Loại thiết kế:	**Thiết kế 1 bước**
Cấp công trình:	**Cấp IV**
Cách thẩm định:	**Tự thẩm định toàn bộ**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**653.228.885**	**65.322.889**	**718.552.000**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				639.167.207	63.916.721	703.084.000	
1.1.1	THOÁT NƯỚC		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	639.167.207	63.916.721	703.083.928	
1.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	14.061.678	1.406.168	15.467.846	Gxdlt
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3,024%**		**(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**19.328.416**		**19.328.000**	**Gqlda**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**61.574.952**	**6.157.496**	**67.733.000**	**Gtv**
3.1	Chi phí khảo sát địa hình				4.010.275	401.028	4.411.000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.4 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	5,4%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	34.515.029	3.451.503	37.967.000	
3.3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,336%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.577.122	257.712	2.835.000	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	20.472.526	2.047.253	22.520.000	
4	**Chi phí khác**				**11.705.000**	**864.000**	**12.569.000**	**Gk**
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,57%	0,5	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	2.565.000		2.565.000	
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,96%		Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	8.640.000	864.000	9.504.000	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
5	**Chi phí dự phòng**						**81.818.000**	**Gdp**
5.1	Dự phòng cho yếu tô khối lượng phát sinh	10%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda +Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			81.818.000	
	Tổng cộng				**745.837.253**	**72.344.385**	**900.000.000**	**Gxdct**
	Làm tròn						**900.000.000**	
Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng./.								